

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 05 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành giá cước vận chuyển hành khách bằng xe buýt
cho các tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giá ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 15/2004/TT-BTC ngày 09 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các tờ trình: Tờ trình số 272/TTr-STC ngày 14 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt giá vé xe buýt cho các tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Tờ trình số 33/TTr-STC ngày 31 tháng 01 năm 2008 về việc bổ sung phê duyệt giá vé xe buýt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cước vận chuyển hành khách bằng xe buýt cho các tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

1. Giá vé áp dụng cho hành khách đi suốt tuyến.

STT	Tuyến đường	Đơn vị tính	Giá vé
1	Bến xe Rạch Giá - Tắc Cậu	đồng/người/lượt	7.000
2	Bến xe Rạch Giá - Thạnh An (Cần Thơ)	đồng/người/lượt	11.500
3	Bến xe Rạch Giá - cầu T6	đồng/người/lượt	12.500
4	Bến xe Rạch Giá - Giồng Riềng	đồng/người/lượt	9.000

2. Giá vé cho một số chặng chủ yếu.

Theo bảng Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chế độ giảm giá.

Đối với học sinh, sinh viên mua vé xe buýt theo tháng được giảm 30% trên giá vé của từng tuyến, từng chặng tương ứng.

4. Phương án xây dựng đơn giá vé xe buýt được tính theo số km lũy tiến. Theo đó, đơn giá vé cho hành khách từ khi bắt đầu lên xe cho đến khi đi hết 5km đầu tiên là 3.000đ/người/lượt và cứ mỗi 5km tăng thêm tiếp theo đơn giá vé chỉ còn là 1.500đ/người/lượt. Phương án này là cơ sở để áp dụng khi xây dựng đơn giá mới cho tất cả các tuyến xe buýt trong tỉnh (bao gồm các tuyến đã có và các tuyến khi được mở mới).

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 25/2006/QĐ-UBND ngày 21/8/2006 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành giá cước vận chuyển hành khách bằng xe buýt cho các tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Sương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG PHỤ LỤC GIÁ VÉ XE BUÝT
CỦA MỘT SỐ CHẶNG CHỦ YẾU CHO CÁC TUYẾN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 05/02/2008
của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành giá cước vận chuyển hành khách
bằng xe buýt cho các tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang)*

1. Tuyến bến xe thành phố Rạch Giá - Tắc Cậu (huyện Châu Thành) và ngược lại.

- | | |
|--|--------------------|
| - Bến xe Rạch Giá - Bưu điện tỉnh: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Bến xe Rạch Giá - Sở Tài nguyên và Môi trường: | 4.500đ/người/lượt; |
| - Bến xe Rạch Giá - Rạch Sỏi: | 4.500đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - Cù Là: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Cù Là - Minh Lương: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - Minh Lương: | 4.500đ/người/lượt; |
| - Minh Lương - Tắc Cậu: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - Tắc Cậu: | 6.000đ/người/lượt; |
| - Bến xe Rạch Giá - Tắc Cậu: | 7.000đ/người/lượt. |

2. Tuyến bến xe thành phố Rạch Giá - Thạnh An (huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ) và ngược lại.

- | | |
|---|--------------------|
| - Bến xe Rạch Giá - Rạch Sỏi: | 4.500đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - cầu Quảng, bến đò Tà Kiết: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Cầu Quảng - bến đò Tà Kiết, nhà thờ (Mong Thọ): | 3.000đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - nhà thờ (Mong Thọ): | 4.500đ/người/lượt; |
| - Rạch Sỏi - Trung tâm Bảo trợ Xã hội: | 6.000đ/người/lượt; |
| - Bến xe Rạch Giá - Làng trẻ mồ côi: | 9.000đ/người/lượt; |
| - Làng trẻ mồ côi - chợ kênh 5: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Chợ kênh 5 - kênh 8: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Kênh 8 - kênh 9: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Kênh 9 - kênh 10: | 3.000đ/người/lượt; |
| - Kênh 10 - chợ Tân Hiệp: | 3.000đ/người/lượt; |

- Chợ Tân Hiệp - kênh B, Thạnh An: 3.000đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Thạnh An: 11.500đ/người/lượt.

3. Tuyến bến xe thành phố Rạch Giá - cầu T6 (huyện Hòn Đất) và ngược lại.

- Bến xe Rạch Giá - cầu Số 1, cầu Số 2: 3.000đ/người/lượt;

- Cầu số 2, Mỹ Lâm, cầu Số 3 - Sóc Xoài: 3.000đ/người/lượt;

- Sóc Xoài - cầu Vàm Răng: 3.000đ/người/lượt;

- Cầu Vàm Răng - Tổng Đội: 3.000đ/người/lượt;

- Tổng Đội - cầu Số 9, bệnh viện Tri Tôn: 3.000đ/người/lượt;

- Sóc Xoài - Tri Tôn: 6.000đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Tri Tôn: 10.500đ/người/lượt;

- Tri Tôn - Linh Huỳnh: 3.000đ/người/lượt;

- Linh Huỳnh - Trạm cột điện số 445: 4.500đ/người/lượt;

- Trạm cột điện số 445 - cầu kênh Tám Ngàn: 3.000đ/người/lượt;

- Cầu kênh Tám Ngàn - cầu T6: 3.000đ/người/lượt;

- Tri Tôn - cầu T6: 9.000đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - cầu T6: 12.500đ/người/lượt.

4. Tuyến bến xe thành phố Rạch Giá - thị trấn Giồng Riềng (huyện Giồng Riềng) và ngược lại.

- Bến xe Rạch Giá - Bưu điện tỉnh: 3.000đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Sở Tài nguyên và Môi trường: 4.500đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Rạch Sỏi: 4.500đ/người/lượt;

- Rạch Sỏi - Cù Là: 3.000đ/người/lượt;

- Cù Là - Minh Lương: 3.000đ/người/lượt;

- Rạch Sỏi - Minh Lương: 4.500đ/người/lượt;

- Minh Lương - Bến Nhút: 4.500đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Bến Nhút: 7.500đ/người/lượt;

- Bến Nhút - Giồng Riềng: 6.000đ/người/lượt;

- Bến xe Rạch Giá - Giồng Riềng: 9.000đ/người/lượt.